

TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

THỰC ĐƠN TUẦN 03 NĂM HỌC 2026 -2027

STT	Bữa	Thứ 2 (14/09/2026)	Thứ 3 (15/09/2026)	Thứ 4 (16/09/2026)	Thứ 5 (17/09/2026)	Thứ 6 (18/09/2026)	Thứ 7 (19/09/2026)	Chủ nhật (20/09/2026)
1	Bữa trưa	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Thịt gà rang gừng	Đậu phụ rang thịt	Chả cá thi là rán	Giò lợn	Chả cá thi là rán	Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt lợn vai xay rang trứng
		Bắp cải luộc	Bắp cải luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc	Bắp cải luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc
		Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải
2	Bữa tối	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ	Cơm tẻ
		Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn xào su su	Thịt gà rang gừng	Thịt lợn vai xay rang trứng	Thịt lợn xào su su	Thịt gà rang gừng
		Bí đỏ luộc	Su su luộc	Bắp cải luộc	Bí xanh luộc	Su su luộc	Bí xanh luộc	Bí xanh luộc
		Canh thịt lợn xay Bí đỏ	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay bắp cải	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Su su	Canh thịt lợn xay Bí xanh	Canh thịt lợn xay Bí xanh

TRƯỜNG BAN QUẢN TRỊ ĐỜI SỐNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC
PHỔ THÔNG
MUỖNG CHÀ

HIỆU TRƯỞNG
Vũ Trọng Vinh

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 2, ngày 14 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			527	527	-	-	29,000	15,283,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	527	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà	Kg	70.0	86,000	6,020,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu Canh
4			Bắp cải	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,525,000				
1	527	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	26.0	155,000	4,030,000				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	494.0	4,500	2,223,000				
5			Bí đỏ	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,758,000				
Tổng cả ngày							15,283,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 3, ngày 15 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt	Vắng mặt					
					Có lý do	Không có lý do				
			527	527	-	-	29,000	15,283,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	527	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	33.6	155,000	5,208,000				Thịt rang đậu phụ
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Đậu phụ	Kg	47.5	22,000	1,045,000				
5			Bắp cải	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,758,000				
1	527	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	70.0	86,000	6,020,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Su su	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,525,000				
Tổng cả ngày							15,283,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lường Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 4, ngày 16 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			527		527	-	-	29,000	15,283,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	527	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thi là	Kg	55.8	110,000	6,138,000				Chả cá Rán
3											
4			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
5			Su su	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,643,000				
1	527	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	35.4	155,000	5,487,000				Thịt xào Su su
3			Su su	Kg	36.0	18,000	648,000				
4			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
5			Bắp cải	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,640,000				
Tổng cả ngày							15,283,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

Sở GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 5, ngày 17 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			527		527	-	-	29,000	15,283,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	527	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Giò lợn nạc	Kg	34.5	180,000	6,210,000				Hấp
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Bắp cải	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,715,000				
1	527	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	70.5	86,000	6,063,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Bí xanh	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,568,000				
Tổng cả ngày							15,283,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MUỖNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 6, ngày 18 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			527		527	-	-	29,000	15,283,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	527	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Chả cá thi là	Kg	55.8	110,000	6,138,000				Chả cá rán
3											
4			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
5			Bắp cải	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,643,000				
1	527	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	23.7	155,000	3,673,500				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	547.0	4,500	2,461,500				
5			Su su	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,640,000				
Tổng cả ngày							15,283,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Thứ 7, ngày 19 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú				Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú	
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do					Không có lý do
			527		527	-	-	29,000	15,283,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	527	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	24.9	155,000	3,859,500				Thịt lợn rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	506.0	4,500	2,277,000				
5			Su su	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,641,500				
1	527	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Viết Chi		
2			Thịt lợn vai	Kg	35.7	155,000	5,533,500				Thịt xào su su
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
			Su su	Kg	33.5	18,000	603,000				Xào thịt
4			Bí xanh	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,641,500				
Tổng cả ngày							15,283,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà

SỞ GDĐT TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG THPT MƯỜNG CHÀ

BẢNG XUẤT KHO THỰC PHẨM VÀ CÔNG KHAI THỰC ĐƠN ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ

Chủ nhật, ngày 20 tháng 09 năm 2026

TS HS toàn trường			HS bán trú					Định mức tiền ăn/ngày/HS	Số tiền thực chi	Số tiền chưa chi (HS nghỉ có lý do)	Ghi chú
TS	Có mặt	Vắng	TS HS bán trú	Có mặt		Vắng mặt					
						Có lý do	Không có lý do				
			527		527	-	-	29000	15,283,000	-	

Stt	Nấu ăn (suất)	Bữa ăn	Tên thực phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Người xuất kho (Thủ kho)	Người nhận thực phẩm (NV nuôi dưỡng)	Bộ phận giám sát	Ghi chú (tên món ăn)
1	527	Trưa (Giờ ăn: 11h15)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Việt Chi		
2			Thịt lợn vai xay	Kg	26.0	155,000	4,030,000				Thịt rang trứng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
4			Trứng gà	Quả	494.0	4,500	2,223,000				
5			Bắp cải	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng trưa							7,758,000				
1	527	Tối (Giờ ăn: 17h45)	Gạo	Kg	121			Hà Bích Lan	Nguyễn Việt Chi		
2			Thịt gà công nghiệp	Kg	70.0	86,000	6,020,000				Thịt gà rang gừng
3			Thịt lợn vai xay	Kg	1.0	155,000	155,000				Nấu canh
5			Bí xanh	Kg	75.0	18,000	1,350,000				Luộc, nấu canh
Cộng tối							7,525,000				
Tổng cả ngày							15,283,000				

Người lập (Kế toán)

Xác nhận của nhà trường



Lương Văn Hà